TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đăng Hồng Ngọc

2. Bà Trương Thị Hiệp

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2501/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và theo thông báo dời ngày xét xử số 57/2025/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số F đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số G đường H, thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*: Chị và anh Nguyễn Văn C quen nhau qua mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 03/5/2018. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đến năm 2019 vợ chồng chuyển về sống tại nhà chồng ở thôn H, xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm đến tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C đánh

đập và nhiều lần nhục mạ, không tôn trọng và đuổi chị đi. Chị đi khỏi nhà chồng từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay và không có lần nào quay lại. Từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt hoàn toàn liên lạc với nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn C nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 15/6/2018 và Nguyễn Trọng Â sinh ngày 02/3/2020, hiện đang ở với anh C. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Â, giao cho anh C nuôi cháu D, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tại phiên tòa chị xác định đã nghỉ việc tại TP . và về sống tại 6 N, phường Đ, thị xã A; hiện tại chưa có công việc ổn định.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày*: Thống nhất về thời gian cưới và điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị T đã trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai được 02 năm, đến năm 2020 thì về sống tại nhà cha mẹ anh ở xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quá trình chung sống vợ mâu thuẫn với gia đình anh từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn với nhau. Tháng 10/2022 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T bỏ về nhà mẹ ở phường Đ sống, khi đi để lại các con cho anh nuôi. Từ khi bỏ đi thì không có lần nào chị T quay lại nhà anh và cũng không gửi tiền cho anh nuôi con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị T nên thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 15/6/2018 và Nguyễn Trọng Â sinh ngày 02/3/2020, hiện đang ở với anh. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng vì lý do chị T không quan tâm chăm sóc con cái từ thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay và không có thu nhập, chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 15/6/2018 và Nguyễn Trọng Â sinh ngày 02/3/2020 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc cả hai anh chị sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị T và anh C cùng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn căng thẳng và không còn tình cảm với nhau nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Thấy rằng trong quá trình chung sống chị T và anh C có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chung sống thiếu sự chia sẻ và không có sự tin tưởng lẫn nhau, trong thời gian sống ly thân cả hai không có biện pháp giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cùng có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã thật sự căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C xác định vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 15/6/2018 và Nguyễn Trọng Â sinh ngày 02/3/2020 hiện đang ở với anh C, ly hôn chị T và anh C cùng có yêu cầu nuôi dưỡng con. Xét yêu cầu của chị T và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con. Qua xác minh ở địa phương và cơ sở giáo dục nơi cháu Â đang theo học thì cháu Â vẫn đang học tập sinh hoạt ổn định, tâm sinh lý phát triển bình thường và anh C vẫn đang nuôi dưỡng chăm sóc tốt cháu Â; hơn nữa chị T không có chứng cứ chứng minh anh C vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Do đó để đảm bảo việc nuôi dưỡng con được ổn định, phát triển tâm sinh lý bình thường nên giao 02 người con Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Trọng Â cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và RLINK "11" \o "Gia"Gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xét

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và áp dụng mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắt trong xét xử thì chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02/8/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắt trong xét xử.

Tuyên xử:

1- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 15/6/2018 và Nguyễn Trọng Â sinh ngày 02/3/2020 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn lại 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005688 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Anh Nguyễn Văn C phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

6- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã thị trấn C, huyện Đ
tỉnh Gia Lai (GCNKH số 27 ngày 03/5/2018)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn